

**CHUYÊN ĐỀ XX**

**TỪ KHỔ TRƯỜNG BẢ CANH  
ĐẾN VÙNG ĐẤT CAO LÃNH**

**DẪN NHẬP**

**X**a xưa, đất Nam Bộ thuộc vương quốc Phù Nam rộng lớn và hùng mạnh. Khai quốc từ khoảng đầu thế kỷ I, sau thời kỳ hưng thịnh, vương quốc Phù Nam suy yếu dần rồi bị thuộc quốc Chân Lạp thôn tính vào khoảng giữa thế kỷ VII. Tuy nhiên, người Khmer quen sống ở vùng trung tâm truyền thống của họ, vì vậy, vùng đất Nam Bộ còn ngập nước, sinh lầy (vùng Thủy Chân Lạp theo ghi chép của sử gia Trung Hoa) hầu như hoang vu, vô chủ suốt nhiều thế kỷ.

Cuộc hôn nhân giữa công nữ Ngọc Vạn với vua Chey Chetta II vào năm 1620 tạo mối quan hệ tốt đẹp giữa triều đình Chân Lạp đang cố thoát khỏi áp lực từ Xiêm La với chính quyền Đàng Trong - một thế lực hùng mạnh đương thời. Kể từ đó, dòng lưu dân Việt từ Ngũ Quảng đi vào ngày càng đông, hợp với người Việt, người Khmer, người Hoa đã ở xen lẫn với nhau từ trước cùng khai phá, mở mang vùng đất hoang vắng, bao la...

Hơn 120 năm sau, vào năm 1741, chúa Nguyễn cho lập 9 khổ trường để quản lý ruộng đất, dân cư và thu thuế ở những nơi chưa liên canh, liên cư, trong đó, khổ trường Bả Canh được đặt trên vùng đất mà ngày nay mang tên **Cao Lãnh**. Lớp lưu dân tiên phong chinh phục thiên nhiên ở vùng Cao Lãnh - Đồng Tháp Mười mở cõi bằng "vũ khí" chủ yếu là cái phang phát cỏ, cái búa, cái rựa phá rừng... biến đất hoang, rừng rậm thành ruộng đồng trù phú. Khổ trường Bả Canh đánh dấu thành quả khai phá của lưu

*Lê Minh Trung - Nguyễn Thanh Thuận\**

dân, một lần nữa khẳng định quyền quản lý của người Việt trên vùng đất mới.

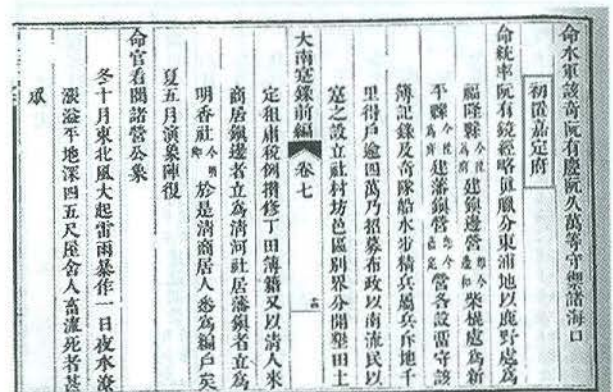
**I. KHAI MỞ VÙNG ĐẤT CAO LÃNH VÀ NHỮNG CỘT MỐC LỊCH SỬ**

**1. Lập Gia Định phủ (1698)**

Đầu năm Mậu Dần (1698), chúa Nguyễn Phước Chu cử Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào Nam kinh lý. Nguyễn Hữu Cảnh lập phủ Gia Định, lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên, lấy đất Sài Gòn làm huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn, mỗi dinh đều đặt các chức Lưu thủ, Cai bạ, Ký lục, mộ dân Ngũ Quảng vào khai khẩn, lập sổ đình điền, thu thuế ruộng đất và bố trí quân thủy bộ để bảo vệ.

Dinh Phiên Trấn gồm phủ Gia Định và huyện Tân Bình với cương vực trải rộng đến tận bờ bắc sông Tiền, trong đó có vùng đất Cao Lãnh ngày nay.

Việc phân định cương giới, tổ chức bộ máy cai quản, ấn định thuế khoá... là những



Sách Đại Nam thực lục tiền biên, quyển 7, tờ 14 chép việc thành lập phủ Gia Định.

\* Hội Khoa học Lịch sử Đồng Tháp.

yếu tố căn bản để xác lập chủ quyền, tạo thuận lợi cho công cuộc khẩn hoang của người Việt trong nhiều thế kỷ sau.

## 2. Quá trình biến đổi hành chính ở vùng đất Cao Lãnh

Đất đai khai phá nhiều hơn, xóm làng mở mang dần về phương Nam, các chúa Nguyễn chia đất Gia Định thành các cấp hành chính nhỏ hơn để tiện quản lý, việc chuyển thuộc, chia tách, sáp nhập, đổi tên,... diễn ra liên tục. Vùng đất Cao Lãnh không nằm ngoài những biến động đó.

Năm 1732, chúa Nguyễn lấy phía Nam Phiên Trấn làm châu Định Viễn, lập dinh Long Hồ, đặt lỵ sở tại thôn An Bình Đông, tục danh là Cái Bè nên được gọi là Cái Bè dinh. Vùng Cao Lãnh lúc ấy thuộc châu Định Viễn.

Năm 1779, chúa Nguyễn nâng đạo Trường Đồn thành "dinh", gồm một huyện là Kiến Khương với ba tổng Kiến Đăng, Kiến Hưng và Kiến Hoà. Vùng đất Cao Lãnh lúc bấy giờ thuộc vào tổng Kiến Đăng. Đến lúc này, dân cư đã liên lạc, chúa Nguyễn cho bãi bỏ các khổ trường, từ đó, khổ trường Bả Canh cũng chấm dứt nhiệm vụ lịch sử của mình.

Sau khi lên ngôi, vua Gia Long cắt đặt lại bộ máy cai trị và hệ thống hành chính, theo đó, cấp "phủ" đổi thành "trấn", cả nước chia thành 23 trấn và 4 doanh. Tháng 3 năm 1802, Gia Định phủ đổi thành Gia Định trấn vẫn gồm 04 dinh như trước, đổi tên dinh Long Hồ thành dinh Vĩnh Trấn.

Năm 1806, huyện Kiến Khương của dinh Trấn Định đổi làm huyện Kiến An.

命閣臣分其地置定遠州	今定遠州
上宰恩容海口觀救運船艘	
六月	
秋八月	
大南定錄前編 卷九	
子維群為帝改元能德是為純尊	
冬十二月	
政州	
癸丑八年	
銅壺	

Sách Đại Nam thực lục tiền biên, quyển 9, tờ 9  
chép việc lập châu Định Viễn.

Năm 1808, dinh Trấn Định đổi là trấn Định Tường, thuộc quyền quản lý của Tổng trấn Gia Định, thăng huyện Kiến An thành phủ Kiến An, nâng 3 tổng Kiến Hưng, Kiến Hòa và Kiến Đăng lên thành huyện. Huyện Kiến Đăng có 2 tổng là Kiến Hòa và Kiến Phong. Trong đó, tổng Kiến Phong (vùng đất phía bắc sông Tiền, trải dài từ Cao Lãnh lên đến Hồng Ngự ngày nay) có 43 thôn.

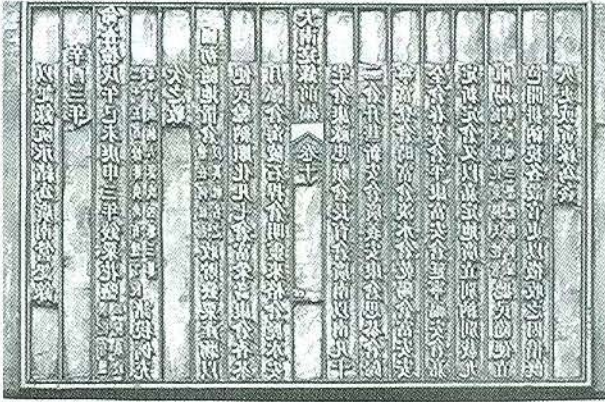
## 3. Khổ trường Bả Canh (1741) - Xóm thôn đầu tiên của thành phố Cao Lãnh ngày nay

Theo quy định của chúa Nguyễn, những nơi dân cư còn rời rạc, chưa đủ diện tích ruộng đất chịu thuế thì chưa được lập thôn, các thôn đã lập nhưng không liền ranh với nhau thì thiết lập khổ trường biệt nạp (kho thu thuế bằng hiện vật), khổ trường ở đâu thì đặt tên theo tên thôn xóm ở đó: “Cho dân tùy tiện lập ấp, vỡ ruộng cấy cấy, nộp thuế và đặt quan lại để trưng thu, khổ trường đặt ở thôn xóm nào thì lấy thôn xóm đó làm tên”.

Năm Tân Dậu (1741), chúa Nguyễn cho lập 9 khổ trường biệt nạp trong toàn phủ Gia Định: Hoàng Lạp, Giản Thảo, Thiên Mục, Cảnh Dương, Tân Thạnh, Tam Lạch, Bả Canh, Quy An và Quy Hóa. Ba khổ trường Bả Canh, Quy An, Quy Hóa thu thuế ở vùng chung quanh Đồng Tháp Mười. Thân sinh của Trịnh Hoài Đức, tác giả quyển Gia Định thành thông chí, là Trịnh Khánh từng làm Cai đầu phụ trách cả ba kho này.

Trong 9 khổ trường trên, chỉ có khổ trường Bả Canh là xác định được vị trí cụ thể. Lúc đầu mới khai hoang, vùng đất hai bên bờ sông Cái Sao Thượng (sông Đình Trung) chưa có tên, lưu dân dùng tên quê cũ của họ (Bả Canh) để gọi, lâu ngày thành quen, tên xóm Bả Canh ra đời từ đó. Khổ trường đặt tại xóm Bả Canh nên mang tên khổ trường Bả Canh.

Bia Tiền hiền Nguyễn Tú đặt bên bờ sông Cái Sao Thượng (nay thuộc phường 2, thành phố Cao Lãnh) do hương chức làng Mỹ Trà lập năm 1876 ghi rõ: “Dọ hỏi mới biết vào khoảng đời Gia Long, ông Nguyễn Tú người ở Quy Nhơn đến cư ngụ vùng đất này, ngày xưa có tên



Một bản sách Đại Nam thực lục tiên biên, quyển 10 từ 4 về việc thiết lập 9 khổ trường, trong đó có khổ trường Bả Canh (Nguồn: Trung tâm lưu trữ quốc gia IV).

là khổ trường Bả Canh”. Vì vậy, có thể coi xóm Bả Canh là xóm dân cư đầu tiên của thành phố Cao Lãnh ngày nay.

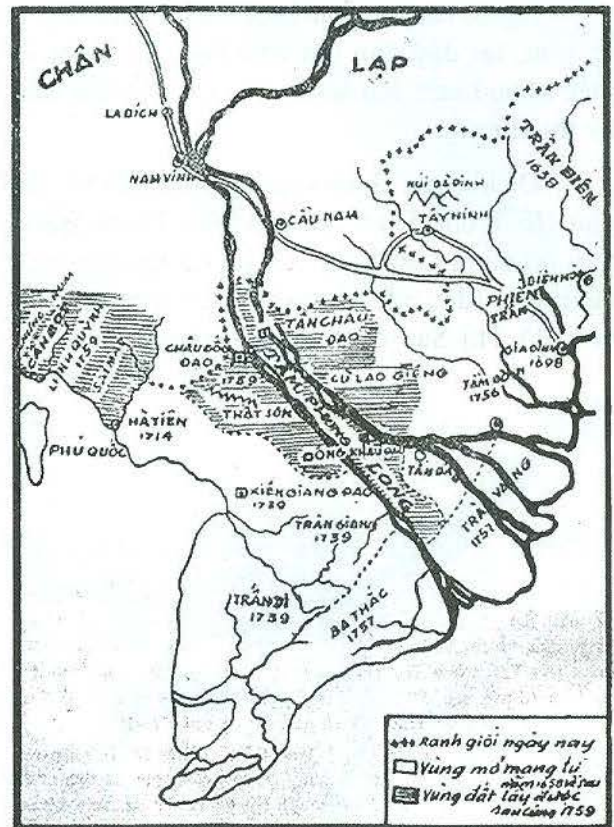
Sự ra đời của khổ trường Bả Canh chứng tỏ đến lúc này công cuộc khai hoang vùng ven sông Tiền đã đạt thành quả bước đầu - đất đai thành thuộc, cuộc sống của người dân đã khá hơn, lúa thóc dư dả để nộp thuế. Theo báo cáo của Cai bạ dinh Long Hồ đương thời là Hiền Đức hầu Nguyễn Khoa Thuyên thì ba trại thuộc Bả Canh, Bả Lai, Bả Kiến có hơn 4.000 đinh (nam giới trong độ tuổi 18 - 60), ruộng đất ngoài 4.000 sớ (thửa), mỗi sớ đều theo lệ hạng nhất thu 6 hộc một mẫu (1 hộc khoảng 72 lít), hạng nhì 3 hộc, hạng ba 2 hộc. Nguyễn Khoa Thuyên còn cho biết thêm: “*Như tại trường Bả Canh, thuộc Tam Lịch và châu Định Viễn có những khoảnh ruộng không phải cày, người ta chỉ bứt cỏ đi rồi trồng lúa. Trồng một hộc lúa giống thì thu được ba trăm hộc lúa mùa. Như vậy đủ biết ruộng ở đây thật là phì nhiêu*”.

#### 4. Thu thuộc vùng đất Tầm Phong Long (1757)

Năm 1757, hoàng tộc Chân Lạp tranh giành ngai vàng, Nặc Tôn phải cầu cứu chúa Nguyễn. Sau khi Võ vương Nguyễn Phước Khoát giúp giành lại ngôi báu, quốc vương Nặc Tôn dâng đất Tầm Phong Long (bao gồm cả vùng đất phía Nam sông Tiền của tỉnh Đồng Tháp ngày nay) để tạ ơn. Nghi Biểu hầu Nguyễn Cư Trinh chia đất Tầm Phong Long thành 03 đạo: Châu Đốc đạo (phía sông Hậu), Tân Châu

đạo (phía sông Tiền) và Đông Khẩu đạo (ly sở đặt tại làng Vĩnh Phước, nay thuộc thành phố Sa Đéc). Cả 03 đạo đều thuộc dinh Long Hồ.

Sách Đại Nam thực lục chép: “*Dinh Sứ, năm thứ 19 (1757), Nặc Nguyên nước Chân Lạp chết. Người chủ họ là Nặc Nhuận tạm coi việc nước. Biên thần tâu xin nhân đó lập Nhuận để tỏ ân nghĩa, cho vững biên cương... Khi ấy xảy việc con rể Nặc Nhuận là Nặc Hình giết Nặc Nhuận để cướp ngôi, con Nặc Nhuận là Nặc Tôn chạy sang Hà Tiên. Thống suất Trương Phước Du thừa thế tiến đánh. Nặc Hình chạy đến Tầm Phong Xuy, bị quan phiên là Ôc nha Ưông giết chết. Bảy giờ Mạc Thiên Tứ cùng tâu giúp cho Nặc Tôn. Chúa bèn sắc phong cho Nặc Tôn làm vua nước Chân Lạp, sai Thiên Tứ cùng với tướng sĩ năm dinh hộ tống về nước. Nặc Tôn bèn dâng đất Tầm Phong Long. Phước Du và Cư Trinh tâu xin dời dinh Long Hồ đến xứ Tầm Bào (nay thuộc tỉnh Vĩnh Long). Lại đặt đạo Đông Khẩu ở xứ Sa Đéc, đạo Tân Châu ở Tiền giang, đạo Châu Đốc ở Hậu giang, lấy quân dinh Long Hồ để trấn giữ*”.



Tầm Phong Long vùng đất lấy được sau cùng trong cuộc Nam tiến  
Sơ đồ vùng đất Tầm Phong Long (Ảnh tư liệu).

Như vậy, đến năm 1757, những phần đất còn lại ở miền Tây Nam Bộ mà trên thực tế đã thuộc quyền cai quản của chúa Nguyễn từ trước đó, chính thức thuộc chủ quyền của Đại Việt.

### 5. Lập phủ Kiến Tường và huyện Kiến Phong (1838) - Trung tâm thôn Mỹ Trà thành phố thị

Năm 1838, tổng Kiến Phong được nâng lên thành huyện, trực thuộc phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường. Tri phủ Kiến Tường đầu tiên là ông Hồ Trọng Đính.

Lúc ấy, quanh chợ Cầu Lãnh đã đông dân cư nên cả huyện lỵ Kiến Phong và phủ lỵ Kiến Tường đều đặt tại thôn Mỹ Trà. Một nhà lồng chợ bằng cây ván dựng lên cách chợ Vườn Quít (tại vàm kinh Thầy Khâm) vài trăm thước (nay là đường Hùng Vương), gần bờ sông cho tiện việc mua bán. Phía trên nhà lồng chợ là Nhà việc thôn Mỹ Trà (khoảng nơi đặt tượng Thống Linh). Bên phải Nhà việc (từ sông Cao Lãnh nhìn lên, nay là khu vực trường Lê Quý Đôn) là nơi đặt cơ quan hành chính đầu não của huyện Kiến Phong và phủ Kiến Tường.

Ngoài các cơ quan hành chính của huyện và phủ, tại đây còn đặt Phủ học, cơ quan lo việc khảo hạch, lập hồ sơ học trò mỗi khi đến kỳ thi Hương.

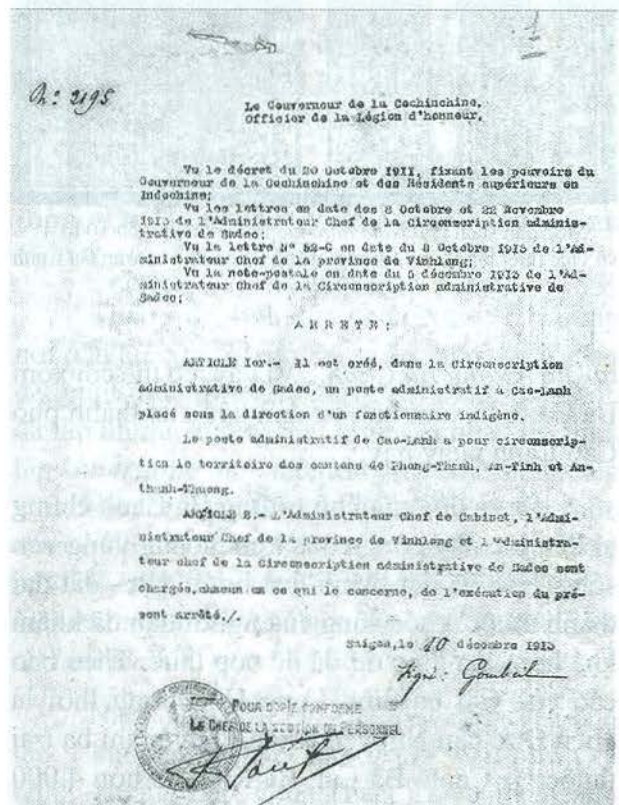
Để khuyến khích việc học, năm 1857, Tri phủ Hồ Trọng Đính cho lập Văn Thánh miếu trên bờ sông Cao Lãnh, cách chợ khoảng một ngàn mét (dấu vết còn lại là nền trường Tiểu học Võ Thị Sáu ở phường 3, thành phố Cao



Phủ lỵ Kiến Tường và huyện lỵ Kiến Phong đặt tại thôn Mỹ Trà trên bản đồ Nam Kỳ 1863 (Nguồn: Thư viện quốc gia Pháp).

Lãnh), là Văn miếu thứ ba ở Nam Kỳ sau Văn miếu Biên Hòa và Gia Định.

### 6. Đồn hành chánh Cao Lãnh (1914) - Tên người thành tên đất



Nghị định số 2195 ngày 10/12/1913 của Thống đốc Nam Kỳ về việc thành lập quận Cao Lãnh (Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia II/ Phủ Thủ Thống đốc Nam Kỳ).

Năm 1863, Tổng Chỉ huy quân Pháp là Bonard cho đổi hai phủ Kiến An, Kiến Tường của tỉnh Định Tường thành quận, quận lỵ Kiến Tường vẫn đóng tại làng Mỹ Trà.

Lúc bấy giờ, Thiên hộ Võ Duy Dương lập căn cứ ở Tháp Mười, nghĩa quân ngày càng hoạt động mạnh. Để đẩy mạnh công cuộc bình định, đàn áp nghĩa quân, ngày 3/6/1865, Pháp chia tỉnh Định Tường ra 4 khu vực hành chính gọi là Khu thanh tra. Khu thanh tra Kiến Phong ban đầu đóng tại huyện lỵ Kiến Phong cũ (tại chợ Cầu Lãnh, làng Mỹ Trà), sau đó, đổi thành Khu thanh tra Cần Lố và dời trị sở về Doi Me (xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh ngày nay). Tại Doi Me, quân Pháp thiết lập đồn lũy bảo vệ cơ quan khu thanh tra và một pháp trường để xử tử nghĩa quân (người dân quen gọi là trường án Cần Lố).

Sau khi chiếm luôn ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ, năm 1870, thực dân Pháp sáp nhập Khu thanh tra Cần Lố vào Khu thanh tra Tân Thành (Sa Đéc).

Năm 1914, Cao Lãnh là một đồn hành chánh (poste administratif) thuộc quận Sa Đéc (tỉnh Vĩnh Long), tới năm 1925 trở thành quận, quận lỵ Cao Lãnh đặt tại làng Mỹ Trà, dinh Quận, dinh Cờ Tây xây dựng bên làng Hoà An (trong khuôn viên Bảo tàng Đồng Tháp hiện nay).

Từ tên người đi kèm chức vụ (Câu Lãnh) thành tên chợ (chợ ông Câu, chợ Câu Lãnh) rồi trở thành tên đất - Đồn hành chánh Cao Lãnh và Cao Lãnh.

## II. CHỨNG TÍCH TRĂM NĂM

### 7. Lâm tẩu (Đồng Tháp Mười) ngăn trở bước chân người khai hoang hơn hai thế kỷ

Các làng trên Cù lao Trâu (tên chữ là Ngưu Châu, thuộc tổng An Tịnh) gồm Hoà An, Tân Thuận, Tân Tịch, Tịnh Thới, đất đai cao ráo, màu mỡ, nước ngọt quanh năm nên phát triển nhanh hơn. Ngược lại, tiến độ khai khẩn vùng ven sông Tiền chậm hơn nhiều vì ngoài vạt đất giồng ven sông, vào sâu phía trong vài cây số thì đến vùng *Lâm tẩu* đất trũng thấp, ngập mênh mông vào mùa nước nổi, khô cháy, lũng phèn khi nước kiệt,... Tuy vậy, vùng này lại cung cấp cho lưu dân nhiều sản vật tự nhiên, trong đó, cá tôm là nguồn hoa lợi lớn nhất.

*Lâm tẩu* có nghĩa là vùng rừng rú hoang vắng, vùng hoang vu có nhiều chằm, ao hồ lớn, sách xưa còn gọi là *chằm Mãng Trạch*, *hồ Pha Trạch*, có khi chỉ đơn giản là *rừng hoang*, còn



Cây lúa ở Đồng Tháp Mười đầu thế kỷ XX (ảnh tư liệu).

người Pháp đặt cho nó cái tên khá dài *Plaine inondée couverte d'herbe* (Vùng đất ngập nước đầy cỏ) về sau rút gọn thành *Plaine des Joncs* (*Đồng cỏ lác*, *Đồng cỏ bàng*), chính là vùng Đồng Tháp Mười theo cách gọi ngày nay.

*Bản đồ Hạt tham biện Sa Đéc* của Pháp phát hành năm 1885 thể hiện vùng đất đã khai phá và có đông dân cư chỉ khoảng 2 - 4 cây số tính từ bờ sông Tiền và sông Con (sông Cao Lãnh), nơi sâu nhất là dọc theo sông Cần Lố - rạch Ba Sao (làng Nhị Mỹ) khoảng hơn 9 cây số, nơi hẹp nhất nằm ở ranh giới hai làng Mỹ Long và Mỹ Hiệp chỉ non 2 cây số, phía trong vẫn còn là vùng đất hoang. Sau hơn 140 năm tính từ lúc lập khổ trường Bà Canh thì kết quả mới được chừng đó. Đồng Tháp Mười vẫn còn cản trở bước chân người khai phá cho đến tận đầu thế kỷ XX.

Việc khai thác Đồng Tháp Mười diễn ra tuy chậm chạp nhưng đã ghi đậm dấu ấn của những lưu dân Ngũ Quảng, tiêu biểu là lớp người tiên phong (Nguyễn Tú, Đặng Văn Ngoạn, Đỗ Công Tường,...), về sau có thêm những điền chủ đất Cao Lãnh thành công trong công cuộc khai khẩn Đồng Tháp Mười, như Lê Văn Lý, Lê Quang Hiến,... Trong khi đó, nhiều người Pháp, người Việt và cả những công ty của Pháp (Société rizicole de Phong Mỹ, Société de Tháp Mười) phải tán gia bại sản ở vùng hoang nhàn nề địa này.

### 8. Các thôn ven sông Tiền năm Minh Mạng thứ 17 (1836)

Theo Địa bạ (sổ bộ đất) được lập dưới thời vua Minh Mạng (1836) thì bốn thôn ven sông Tiền thuộc tổng Phong Phú (Bình Hàng Tây, Bình Hàng Trung, Mỹ Xương và Mỹ Hội), còn lại thuộc tổng Phong Thạnh (từ thôn Mỹ Đào - tức Mỹ Thọ, dài lên đến thôn Phong Mỹ). Các thôn này nằm trên dải đất hẹp, một bên là *sông cái*, *sông lớn* (sông Tiền) còn phía trong là *chằm lớn*, *rừng hoang* (Đồng Tháp Mười). Riêng thôn Bình Hàng Tây gần như rừng hoang bao bọc chung quanh.

Thôn có đất đai rộng nhất là Mỹ Ngãi với 1.145 mẫu ta đất thực canh (1 mẫu ta thời Minh Mạng tương đương 4.980m<sup>2</sup> ngày nay),

kể đến là thôn Nhị Mỹ (1.098 mẫu), Mỹ Trà (901 mẫu), Mỹ Đào - tức Mỹ Thọ (828 mẫu), ít nhất là thôn Mỹ Hội (chỉ có 376 mẫu). Lúc đó, cau còn là nguồn lợi lớn, nên diện tích đất trồng cau khá nhiều, nhất là thôn Mỹ Xương (199 mẫu), Bình Hàng Tây (134 mẫu), Mỹ Đào (128 mẫu), Phong Mỹ (117 mẫu), Bình Hàng Trung (55 mẫu), Nhị Mỹ (43 mẫu),... Chỉ có thôn An Bình và Mỹ Ngãi không có vườn cau.

Thôn Mỹ Trà có 156 mẫu thổ trạch, 0,8 mẫu đất làm ly sở huyện và 27 mẫu đất ở cho thấy mức độ “thị tứ hoá” khá nhanh, nhất là khu vực quanh chợ Cao Lãnh và các cơ quan hành chính (nay thuộc phường 2, thành phố Cao Lãnh).

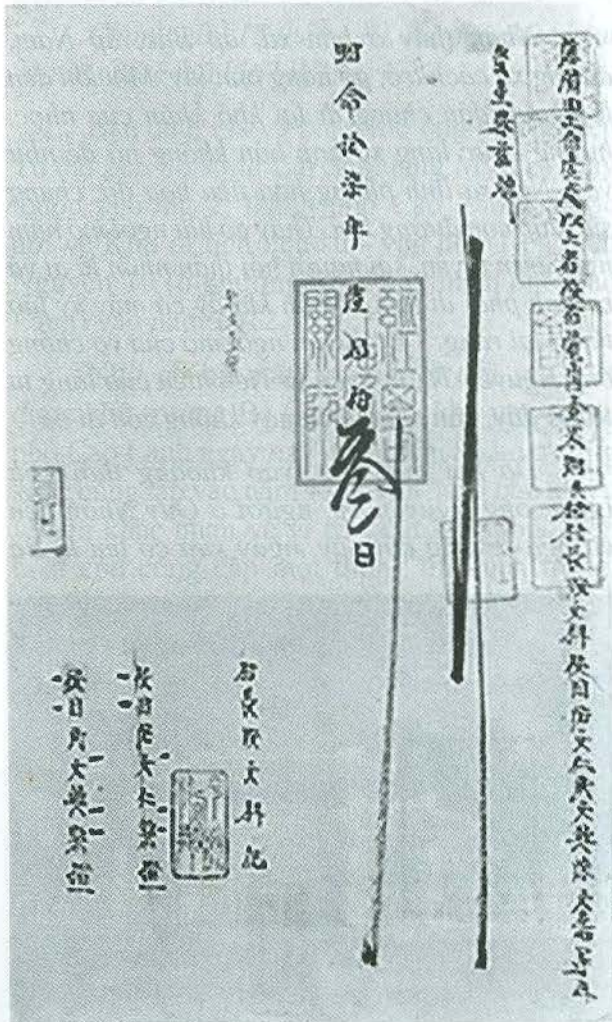
Địa bạ năm 1836 cho thấy những tên sông rạch còn tồn tại đến ngày nay: Càn Lồ (phiên sang chữ Nho là Cam Lồ), Thông

Luru, Long Ân, Cái Bèo, Cái Sao Thượng,... Những tên thôn xưa đã thay đổi không rõ từ lúc nào (thôn Mỹ Đào thành Mỹ Thọ, thôn Bình Hàng Tây, Bình Hàng Trung thành Bình Hàng Tây, Bình Hàng Trung), có thôn nay không còn (thôn Mỹ Toàn). Trải qua gần 200 năm, nhiều tên xóm ngày xưa giờ đây chẳng mấy ai còn biết, như xóm Song Bình, Thông Luru, Vi Tử ở dọc con rạch cùng tên (Bình Hàng Tây), xóm Thới Bình (Bình Hàng Trung), xóm Đông Mỹ, Trung Mỹ, Tây Mỹ (Mỹ Hội), xóm Cam Lộ (có lẽ phiên âm từ chữ Càn Lồ) Thượng, Trung, Tiên, Hậu (Mỹ Đào), xóm Thanh Giao, Long Hội, Song Long (Mỹ Xương), xóm Cam Lộ Tả, Cam Lộ Hữu (Nhị Mỹ), xóm Nam Mỹ, Bắc Mỹ (Mỹ Trà), xóm Côn Tử (An Bình), xóm Cái Sao Thượng, Cái Sao Tiên, Cái Sao Hạ (Mỹ Ngãi), xóm Thuận An (Tân An), xóm Đông Phong, Tây Phong (Phong Mỹ),...

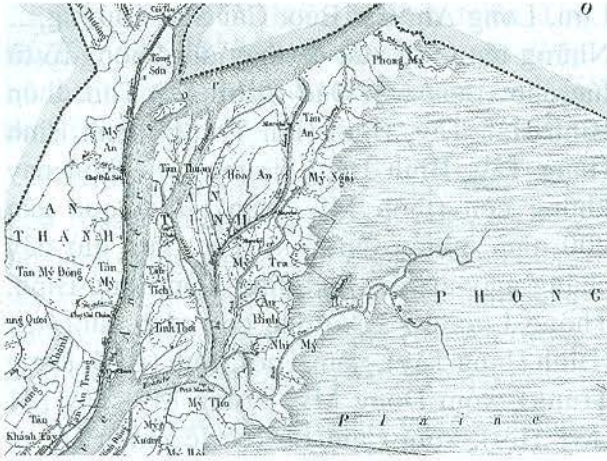
### 9. Cù lao Ngu Châu (Cù lao Trâu) năm Minh Mạng thứ 17 (1836)

Cù lao Trâu thuộc tổng An Tịnh được khai phá từ lâu đời, các thôn Hoà An, Tân Thuận, Tân Tịch, Tịnh Thới được lập vào những năm đầu triều vua Gia Long, là nơi dân cư đông nhất đất Cao Lãnh xưa.

Đình Hoà An là một trong những ngôi đình đẹp nhất Nam Kỳ, được cấp sắc phong Thành hoàng bốn cảnh vào ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ 5 (1853). Năm 1854, ông Trần Trọng Khiêm (người làng Xuân Lũng, huyện Sơn Vi - Phú Thọ) sau nhiều năm bôn ba xuất ngoại đã về lập nghiệp ở đây. Khi Pháp đánh Nam Kỳ, ông theo Thiên hộ Võ Duy Dương vô Đồn Tháp Mười kháng chiến và tuân tiết khí bị giặc bắt. Đầu thế kỷ XX, làng Hoà An xuất hiện nhiều người tích cực hưởng ứng phong trào Đông Du, Duy Tân, sau đó là lớp thanh niên yêu nước hoạt động trong Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội từ những năm 1925 rồi lập Chi bộ An Nam Cộng sản Đảng vào năm 1929 - chi bộ Đảng đầu tiên trên đất Đồn Tháp ngày nay. Hoà An cũng là nơi cụ Phó bảng Nguyễn Sanh Huy (tức Nguyễn Sinh Sắc) chọn làm nơi sinh sống những năm tháng cuối đời.



Một trang địa bạ thôn Bình Hàng Tây năm Minh Mạng thứ 17 (1836). Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia I (Hà Nội).



Cù lao Trâu trên bản đồ Hạt tham biện Sa Đéc ấn hành năm 1885  
(Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia II).

Người dân thôn Tân Thuận quen làm vườn (156 mẫu ta đất vườn chiếm gần phân nửa đất thực canh của thôn), trồng đậu (gần 133 mẫu), trồng dâu (80 mẫu),... Thôn Tân Thuận tách thành Tân Thuận Đông và Tân Thuận Tây vào năm 1919.

Còn dân Tân Tịch chủ yếu là làm ruộng với hơn 346 mẫu/514 mẫu đất thực canh. Tân Tịch là quê hương của Chánh lãnh binh Hà Tiên Nguyễn Hương và vùng Hồ Cừ là nơi Nguyễn Hương lập căn cứ kháng chiến khi quân Pháp xâm chiếm toàn bộ đất Nam Kỳ. Đình Tân Tịch là chứng tích của nhiều sự kiện lịch sử, trong đó, một báo cáo đề ngày 18 tháng 10 năm Tự Đức thứ 16 (03/12/1863) của phái viên do triều đình phái vào khi ba tỉnh Tây Nam Kỳ đã rơi vào tay quân Pháp nói rằng “Đình thôn Tân Tịch có quan quân Tây trú đóng khoảng 30 tên, tích trữ huỳnh ngư, than đá, rượu thịt (...) các hạng tàu lính Tây qua lại Cao Man thường neo đậu tại đó hoặc 2 - 3 chiếc không có thời hạn”.

Cũng như thôn Hòa An, địa bạ thôn Tịnh Thới không còn. Có một thứ sản vật rất nổi tiếng của Tịnh Thới từ xưa xưa đó là ốc gạo. Loại ốc gạo ở đây được chép trong sách Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức: “Sông Kiến Đăng có thứ ốc gạo, vỏ trắng xoáy tròn, lớn bằng ngón tay, khi nấu chín thì dưới cái yếm của nó lòi ra hạt mỡ trắng như hạt gạo, vị thơm ngon, nguyên nó ở dưới sông sâu, tháng 4, 5 bò lên bên cạn, người làm nghề đem thuyền đến cào chở bán khắp xa gần. Ốc này tháng 7

mang thai, tháng 8 trở về sông sâu, vỏ nó có thể đốt thành than làm vôi”.

Riêng thôn An Nhơn sáp nhập vào Tân Tịch ngày 6/5/1891, dấu tích còn lại là đình An Nhơn (phường 6, thành phố Cao Lãnh).

## 10. Bia Tiền hiền Nguyễn Tú

Bia ghi công đức của Tiền hiền Nguyễn Tú - người có công tạo dựng hai thôn Mỹ Trà và An Bình trên vùng đất trước đó mang tên khổ trường Bả Canh. Bia được hương chức làng Mỹ Trà lập năm 1876, văn bia do Cử nhân Nguyễn Giảng Tiên và Giáo thọ Nguyễn Bình Khuê cẩn bút:

*“Người trước khai mở, hằng lo thành tựu để lại đời sau, kẻ nối tiếp sau, há nỡ quên công lao người trước.*

*Tệ chức kinh dân, nguyên là Phái đạo Cơ đội Ban biện Suất đội thuộc cơ đồn điền Tường Võ, nay là Chủ trưởng bốn xã.*

*Nhân thấy ở bốn xã, ấp Bắc, ấp Nam, đường xã cách trở, gò nông bùn lầy. Mỗi khi đến lệ kỳ an, dân chúng đi lại khó khăn cực nhọc, hương chức làng xã họp bàn không nở để như vậy. Nên ra lệnh phóng hoa tiêu họa đồ, chung sức đắp con đường lớn. Thấy có hai ngôi mộ nằm ngay trên tuyến, sai người hỏi thân nhân là ai và ra lệnh phải di táng. Nhân khi ấy có mấy kỳ lão thuật lại rằng: “Đó là hai ngôi mộ của vợ chồng ông Nguyễn Tú, nguyên là Tiền hiền của làng ta trước đây, con cháu hiện nay không còn ai cả”.*

*Dọ hội mới biết, vào khoảng thời Gia Long, ông Nguyễn Tú, người ở Quy Nhơn đến cư ngụ ở vùng đất này, ngày xưa có tên là Bả*



Đền thờ Tiền hiền Nguyễn Tú ở phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh (Ảnh: Lê Thành Thuận).

*Canh trường. Ông là người có tánh quyết đoán, mưu tính chuyện lâu dài, hô hào quy tụ dân cư lưu tán khai hoang mở ruộng xây dựng xóm làng... Sau đó làm đơn, lập danh sách dân, xin thành lập thôn Mỹ Trà. Trải qua các niên hiệu Minh Mạng thứ 21 (1840), năm Thiệu Trị thứ 7 (1847), năm Tự Đức thứ 29 (1876) công lao to lớn, đến nay đã rõ.*

*Khi biết rõ mọi việc, tề chức ra lệnh tu sửa hai ngôi mộ, nắn lại con đường tránh hai ngôi mộ. Khi rảnh việc, tình tâm nghĩ đến, người nay ăn trái, phải nhớ kẻ trồng cây, chim hồng in móng chỗ tuyết lầy, e lâu năm mai một. Nên họp hương chức nghị bàn việc dựng bia đã ghi lại công tích.*

*Ôi! tưởng đến công lao khó nhọc, dẫu không có ý để đời sau phải tôn kính. Muốn bảo tồn đạo lý, phải noi gương sáng cùng danh thơm đời trước, người làm việc phải, cùng nói một lời.*

*Chọn ngày 15 tháng 10, hương chức sắm sửa lễ vật tế mộ lập bia”.*

Ban đầu, bia và phần mộ ông bà Nguyễn Tú đặt bên bờ sông Cái Sao, làng Mỹ Trà (nay thuộc phường 2, thành phố Cao Lãnh), được dời về Khu di tích lịch sử - văn hoá Tiên hiền Nguyễn Tú (ở phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh) vào năm 2012.

Nhờ có bia này mà người đời sau biết được khổ trường Bà Canh đặt ở khu vực thành phố Cao Lãnh ngày nay, trong khi 8 khổ trường khác cùng lập vào năm 1741 vẫn đang còn nhiều ý kiến khác nhau về vị trí. Mặt khác, bia Tiên hiền còn cung cấp một thông tin quan trọng: những lưu dân tiên phong đến vùng đất Cao Lãnh từ thôn Bả Canh - thôn này ngày nay vẫn còn (thuộc thị trấn Đập Đá, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định).

### 11. Văn Thánh miếu Cao Lãnh

Nhằm khuyến khích việc học và đề cao lễ nghi Nho giáo ở vùng đất mới, ngay khi đến trấn nhậm phủ Tân Thành, năm Tự Đức thứ 10 (Đinh Ty, (1857), Tri phủ Hồ Trọng Đính cho lập Văn Thánh miếu (còn gọi là Miếu Thánh) tại thôn Mỹ Trà. Miếu Thánh thờ Vạn thế sư biểu (Khổng Tử) và 72 môn đệ.

Hội Văn Thánh (Hội Tao đàn) Cao Lãnh được cấp một phần đất gọi là Tư Văn thổ, lấy huê lợi tu bổ miếu và tế lễ mỗi năm hai dịp Xuân đình và Thu đình. Cử nhân Vị, Tú Qui, Tú Điều, Nhiêu Chấn, Nhiêu Thuận, Nhiêu Chương, Nhiêu Bá và nhiều hội viên khác giữ lệ sinh hoạt ở đây.

Đến năm 1878, Văn Thánh miếu xuống cấp, đường sá lầy lội, đi lại khó khăn, nên chủ trường làng Mỹ Trà cho dời Miếu Thánh về vị trí hiện nay (Công viên Văn miếu, phường 1), sau đó, được trùng tu rồi lại tiêu điều hoang vắng do chiến cuộc. Năm 1951, Hương cả làng Mỹ Trà là Nguyễn Văn Bích gom các bài vị còn sót lại đưa về thờ ở miếu Ông bà Chủ chợ. Năm 1970, Miếu Thánh được xây dựng mới, song vì chiến tranh nên công việc bị đình trệ.



Văn Thánh miếu Cao Lãnh (Ảnh tư liệu).

### 12. Chùa Tổ Bửu Lâm

Chùa cất bên bờ kinh Cái Bèo, cách xa xóm Thới Bình (sau này trở thành thôn Bình Hàng Trung, nay là xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh) nên còn được gọi là chùa Tổ Cái Bèo.

Chùa do Thiền sư Tánh Nhãn - Thiện Châu khai sơn từ năm 1704, là một trong những chùa cổ nhất ở Nam Bộ, là ngôi chùa phái Trúc Lâm đầu tiên ở vùng đất phương Nam. Thiền sư Tánh Nhãn - Thiện Châu (thê danh là Nguyễn Văn Nhãn, tự Lê Kiên Nhãn) thuộc dòng Thiền phái Trúc Lâm phục hưng của Thiền sư Hương Hải, cầu pháp sang phái Lâm Tế thuộc đời thứ 33.





Chùa Tô Bửu Lâm (Ảnh: Thanh Thuận).

Chùa là cơ sở của nghĩa quân Thiên hộ Võ Duy Dương, là nơi làm việc của Hội Phật giáo cứu quốc Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp, bị bom đạn Mỹ phá sập phần lớn vào năm 1968, nay được xây dựng mới.

### 13. Chùa Linh Sơn



Chùa Linh Sơn ở phường 3, thành phố Cao Lãnh (Ảnh: Bửu Thọ).

Cha con ông Phạm Bình Văn và Phạm Văn Văn đều là tướng Tây Sơn được giao trấn giữ vùng đất từ Phong Mỹ đến Ba Răng. Khi quân Tây Sơn rút đi, hai cha con ở lại rồi xuất gia tu hành.

Năm 1806, hai ông cất một ngôi chùa tre lá. Năm 1917, chùa được đại trùng tu và năm 1927 làm lễ khánh tán. Vài năm sau, cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc thỉnh thoảng có đến viếng chùa. Cuối năm 1945, chùa Linh Sơn bị phá dỡ thực hiện tiêu thổ kháng chiến, Hòa thượng trụ trì là Thích Bửu Đạt về ngụ ở chùa Lâm Vô (chùa Kim Quang). Sau năm 1945, chùa được xây cất lại trên nền cũ.

### 14. Chợ Cầu Lãnh - Cao Lãnh

Đầu đời Gia Long, vườn Quít của ông Đỗ Công Tường ở nơi thuận tiện, bà con trong xóm mang sản vật tự làm ra bán, lâu dần thành chợ, gọi là chợ Vườn Quít hoặc chợ Ông Cầu, vì ông Đỗ Công Tường đang giữ chức Cầu đưng trong làng.

Từ năm 1820, sau sự kiện ông bà Đỗ Công Tường nguyện chết để cứu dân trong nạn dịch tả khủng khiếp năm Canh Thìn chợ được gọi là Cầu Lãnh. Chợ Cầu Lãnh vẫn thuộc thôn Mỹ Trà, tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, trấn Định Tường. Bản đồ Nam Kỳ của Pháp ấn hành năm 1883 còn ghi *Cầu Lãnh*.

Chợ Cầu Lãnh là nơi tập trung cá tôm, mật ong, thú rừng, lông chim, dầu rái, mây, tre, lúa gạo,... cho lái buôn chở về Sa Đéc, Sài Gòn, sang tận Nam Vang. Thương lái bán lại hàng vải, thuốc bắc, dây lược (thùng), sắt, diêm sanh, đá lửa... do ghe bầu chở từ miền Trung hoặc Chợ Lớn xuống. Còn đường bộ là con đường thiên lý phía Nam từ Gia Định đến Cái Bè (thôn An Bình Đông) tách ra chạy dọc theo sông Tiền đến phủ Kiến Tường, đường này dành cho ngựa trạm chuyên công văn hoặc quan lại đi công cán, nay còn một đoạn gần Sở Tư pháp (cũ).

Từ một chợ tự phát, chợ Cao Lãnh dần dần phát triển, đến khi lập phủ Kiến Tường, huyện Kiến Phong (1838), xung quanh chợ là nơi đặt cơ quan hành chính của phủ, huyện và trở thành khu hành chính của quận Cao Lãnh (1925). Đến nay, ngôi chợ có tuổi đời trên 200 năm này đã thành chợ trung tâm của thành phố Cao Lãnh.



Chợ Cao Lãnh 1969 (Photos Courtesy of Woody Herndon).

### III. NGƯỜI CAO LÃNH - YÊU NƯỚC, TRỌNG NGHĨA, CẦN CÙ, ĐOÀN KẾT XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ QUÊ HƯƠNG

#### 15. Góc gác người Cao Lãnh

Các đợt chiêu mộ dân miền Trung vào khai mở đất phương Nam từ thời chúa Nguyễn bắt đầu từ cuối thế kỷ XVII: “*chiêu mộ những dân xiêu dạt từ Bó Chánh trở về Nam cho đến ở cho đông*”. Sau khi lên ngôi, vua Gia Long tiếp tục thực hiện chính sách khẩn hoang từ thời chúa Nguyễn bằng việc mở mang các đồn điền sản xuất lúa gạo nuôi quân và là chỗ dựa cho lưu dân - một hình thức kết hợp kinh tế với quốc phòng. Phạm Văn Khanh, người thôn Mỹ Trà làm Ban biện suất đội thuộc cơ đồn điền Tường Võ - một đồn điền ở vùng đất Cao Lãnh, trước khi Pháp xâm lược Nam Kỳ.

Từ rất lâu trước khi lập khổ trường Bà Canh (1741), lưu dân tiên phong khai phá vùng này đa số là nông dân xuất thân từ thôn Bà Canh (nay thuộc thị trấn Đập Đá, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định), tiêu biểu là ông Nguyễn Tú, người có công lập hai thôn An Bình và Mỹ Trà. Tiếp theo là những người khá giả ở Ngũ Quảng đưa dân chiêu mộ vào khẩn hoang theo chính sách khuyến khích thời Chúa Nguyễn và nhà Nguyễn, dân gian Cao Lãnh còn lưu truyền chuyện điền chủ Đỗ Thị Đệ lúc sanh thời có



Một gia đình nông dân Cao Lãnh xưa (Ảnh: Lê Hương).

nuôi nhiều người Châu Mạ trong nhà. Các xóm người Việt lần hồi mở rộng, còn người Khmer sống rải rác trên các giồng, gò cao, dấu vết còn lại là các địa danh *rạch Cao Miên, xóm Thỏ,...*

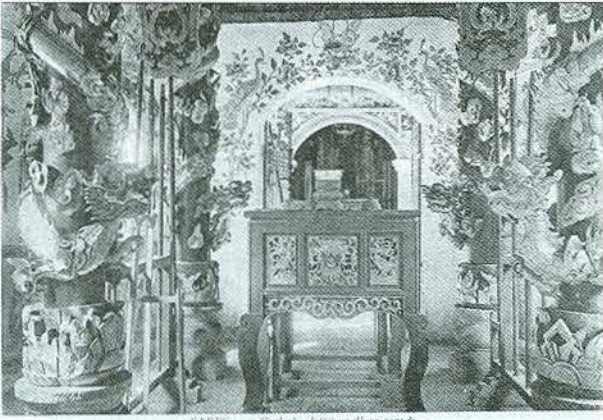
Một số dòng họ đã có mặt từ lâu đời trên vùng đất Cao Lãnh, như họ Đỗ ở Mỹ Xương, họ Phạm ở Mỹ Hội, họ Võ ở Tân Thuận,... Từ chính sử nhà Nguyễn hoặc sắc phong còn lưu giữ được có thể đoán định nguyên quán, thời điểm gia đình một số võ quan đến lập nghiệp trên quê hương mới, như gia đình Thư Ngọc hầu Nguyễn Văn Thư (Mỹ Xương), Mai Tài hầu Nguyễn Văn Mai (Mỹ Trà),... Chùa Tổ (Bửu Lâm) do Thiên sư Tánh Nhân - Thiện Châu khai sơn từ năm 1704, là một trong những chùa cổ nhất ở Nam Bộ, khi đó đã có người Việt quần cư - về sau gọi là xóm Thới Bình (nay thuộc xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh).

Trong cuộc chiến Tây Sơn - Nguyễn Ánh, nhiều binh sĩ của cả hai bên ở lại khai khẩn đất đai, lập nên những xóm dân cư, chẳng hạn như ông Phạm Bình Văn, nguyên là bộ tướng của Tây Sơn ẩn cư trên đất Cao Lãnh, là người khai sơn chùa Linh Sơn (phường 3, thành phố Cao Lãnh).

#### 16. Tình người Cao Lãnh

Trên vùng đất bạt ngàn rừng rú, lấm muối đia - *muối kêu như sáo thổi, đia lội tợ bánh canh*, là hang ổ của thú dữ còn được nhắc đến trong sự tích *cọp coi hát, hương cả Cọp, ông Tượng rú*, đến cây cỏ cũng “*thành tinh*”, nhiều điều lạ lẫm, đáng sợ so với quê hương cũ ở miền Trung: “*Xứ đâu xứ sở lạ lùng/ Con chim kêu cũng sợ, con cá vùng cũng kinh*”, các thế hệ lưu dân phải đổ bao mồ hôi, xương máu để phá rừng, vỡ đất, tạo lập cơ nghiệp, không tự lực, cần cù, hợp tác thì không thể chống chọi những khắc nghiệt của thiên nhiên.

Đất đai mênh mông, xóm làng rộng mở đón những đợt di dân mới để cùng nhau mở mang và giữ gìn thành quả, người đến trước hào hiệp cứu mang người đến sau dù chẳng phải họ hàng, cái tình, cái nghĩa ngày càng ăn sâu vào tính cách người đồng bằng nói chung và người



Bên trong đình Hòa An đầu thế kỷ XX  
(Nguồn: Bưu ảnh Đông Dương).

Cao Lãnh nói riêng. Từng xóm dân cư tự quản lần lượt hình thành dần dần mở rộng thành thôn ấp với bộ máy cai quản theo luật lệ đương thời, rồi dựng đình, cất chùa,... hoà nhập quê hương mới vào *xã tắc sơn hà*, vào cội nguồn văn hoá dân tộc.

Người Cao Lãnh luôn giữ tròn ân nghĩa với những người có công khai hoang, lập xóm làng, giữ yên bờ cõi, những người cứu nhân độ thế, những vị tổ học, tổ nghề và với ông bà tổ tiên qua việc thờ cúng *Thần hoàng bốn cảnh, Nam Hải tứ vị tôn thần, Bà Chúa Xứ, Tiền hiền, Hậu hiền, Tiên sư, Trăm quan cự thần, Chiến sĩ trận vong, Cửu huyền thất tổ*,... Đình Hoà An, đình Mỹ Trà (đình Trung), Văn Thánh miếu, miếu Ông bà Chủ chợ, ngôi mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc được gìn giữ từ năm 1929 đến nay... là chứng tích về lòng nhân nghĩa của người Cao Lãnh ngày xưa.

### 17. Gia đình Tiền hiền Nguyễn Tú

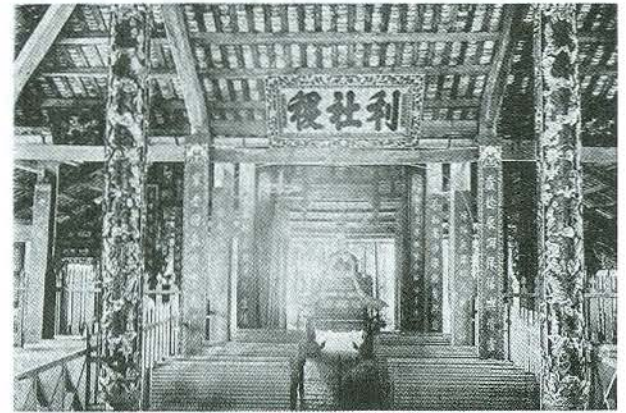
Ông Nguyễn Tú là người có học, tháo vát, ông hướng dẫn nhân dân khai hoang, mở đất, định hình xóm thôn và làm tờ dâng cấp trên xin lập thôn Mỹ Trà và An Bình. Khi ông bà qua đời, vì không có con, nên dân làng lập mộ ông bà ở cặp bờ sông Cái Sao thuộc thôn Mỹ Trà (nay là phường 2, thành phố Cao Lãnh) và tôn ông là Tiền hiền thôn Mỹ Trà, An Bình.

Năm 1876, hương chức làng Mỹ Trà cho đắp cao hai ngôi mộ và dựng bia mộ - còn gọi là bia Tiền hiền Nguyễn Tú. Cuối năm 2012, phần mộ ông bà và bia Tiền hiền được chuyển về

Khu du tích lịch sử - văn hoá Tiền hiền Nguyễn Tú (đối diện nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Đồng Tháp, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh). Tên ông được đặt cho con rạch ở thôn An Bình là rạch ông Tú và tên trường tiểu học ở xã Mỹ Trà.

Người xưa kể lại rằng: năm 1946, do chiến tranh nên nhân dân tháo dỡ Đình Trung, các bài vị đang thờ trong đình được mang xuống ghe để chuyển về miếu Ông bà Chủ chợ, bất ngờ ghe bị chìm, các bài vị trôi xuôi theo dòng nước, riêng bài vị của ông Nguyễn Tú lại trôi ngược về làng An Bình, dân làng đưa vào thờ trong đình An Bình cho đến nay.

Căn cứ vào nội dung bia Tiền hiền và thời điểm lập làng Mỹ Trà có thể đoán định gia đình Tiền hiền Nguyễn Tú về sống ở đất Cao Lãnh ngày nay vào khoảng cuối thế kỷ XVIII.



Bên trong đình Mỹ Trà đầu thế kỷ XX  
(Nguồn: Bưu ảnh Đông Dương).

### 18. Gia đình Thư Ngọc hầu Nguyễn Văn Thư

Nguyễn Văn Thư là một võ tướng, quê gốc ở Quy Nhơn (Bình Định). Nửa đầu thế kỷ XVIII, cha mẹ ông vào Nam khai khẩn vùng cù lao Giêng, riêng ông về lập nghiệp và cưới vợ ở miệt Cái Nhum, sau này là thôn Mỹ Xương, huyện Kiến Phong, tỉnh Định Tường (nay là xã Mỹ Xương, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp). Năm Đinh Mùi (1787), ông đầu quân chúa Nguyễn Phước Ánh tại căn cứ Hội Oa (tức vùng Nước Xoáy, xã Long Hưng A, Lấp Vò, Đồng Tháp) rồi thăng trải dần đến chức Phó tướng Tiền quân.



Phủ thờ Thụ Ngọc hầu Nguyễn Văn Thụ ở xã Mỹ Xương, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Ảnh: Thanh Thuận).

Năm Giáp Dần (1794), ông và hai người em ruột tử trận tại Thị Nại. Năm 1814, ông được vua Gia Long ban cấp sắc phong bằng lụa truy tặng “*Đặc tấn phụ quốc Thượng tướng quân, Thượng trụ quốc, Khâm sai Chương dinh Thụ Ngọc hầu*”. Sắc phong này còn được hậu duệ gìn giữ nguyên vẹn, được giới chuyên môn đánh giá là sắc phong độc đáo, độc nhất ở Nam Bộ, có giá trị cao về lịch sử, văn hoá, nghệ thuật.

Thụ Ngọc hầu Nguyễn Văn Thụ hiện được thờ tại Dinh Ba Quan Thượng đẳng (xã Bình Phước Xuân, Chợ Mới, An Giang) và Phủ thờ Chi tộc Mỹ Xương (xã Mỹ Xương, Cao Lãnh, Đồng Tháp).

Đến nay vẫn chưa rõ ông về Mỹ Xương vào năm nào nhưng chắc chắn gia đình bên vợ của ông đã cư ngụ ở đó trước năm 1787.

### 19. Gia đình Chánh Lãnh binh Nguyễn Hương

Gia đình ông Nguyễn Văn Vị và bà Võ Thị Miêu đến định cư vào nửa cuối thế kỷ XVIII tại xóm Câu, Cù lao Trâu (sau này thuộc thôn Tân Tịch, huyện Vĩnh An, phủ Tân Thành). Nguyễn Hương là con ông Nguyễn Văn Vị, ông sanh năm Nhâm Tuất (1802) dưới thời vua Gia Long, ngay từ nhỏ ông đã có sức vóc cao lớn và khỏe mạnh hơn người.

Năm Minh Mạng thứ 16 (1835), triều đình ban sắc chỉ về các làng mộ binh. Trong danh sách tuyển binh có tên con trai của Đại hương cả thôn Tân Tịch Lê Văn Bích. Ông Bích chỉ có một người con trai nên nhờ Nguyễn Hương đi thay, từ đó, Nguyễn Hương

theo đường binh nghiệp. Do lập được nhiều chiến công, ông được thăng trải dần lên đến chức Chánh lãnh binh trấn nhậm Hà Tiên vào năm 1865.

Khi quân Pháp chiếm 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ, ông đem quân về Láng Linh - một vùng sinh lầy ở An Giang, cùng với Quản cơ Trần Văn Thành lập căn cứ kháng chiến. Quân Pháp tập trung lực lượng tấn công, căn cứ bị vỡ, Quản cơ Thành tử trận, ông rút quân bán bộ về quê nhà, lấy vùng Hồ Cừ làm căn cứ chống Pháp. Chiến đấu một thời gian, ông cho giải tán nghĩa quân rồi sống ẩn dật cho đến lúc qua đời vào năm Bính Tý (1876).



Lễ giỗ Lãnh binh Nguyễn Hương năm 2013 tại Tân Tịch, phường 6, thành phố Cao Lãnh (Ảnh: Thanh Thuận).

### 20. Gia đình ông bà Đỗ Công Tường

Ông Đỗ Công Tường (tên thường gọi là Lãnh) người gốc miền Trung, theo gia đình di cư vào Nam thời chúa Nguyễn. Cha ông tên Đỗ Văn Vãn, vốn dòng dõi Nho gia, vào Nam ở tại vàm Rạch Chanh. Ông Vãn cùng gia đình khai khẩn vạt đất chạy dài từ vàm rạch Chanh vô đến rạch Bà Năm, kéo lên gần vàm rạch Bà Vại.

Về sau, ông bà Đỗ Công Tường tạo lập ngôi chợ Vườn Quít tại thôn Mỹ Trà (nay thuộc thành phố Cao Lãnh) vào khoảng đầu triều Gia Long. Ông được dân làng cử giữ chức Câu đương chuyên phân xử các vụ kiện tụng nhỏ trong làng. Từ đó, ngôi chợ Vườn Quít do ông bà lập ra được người dân quen gọi là chợ Ông Câu hay chợ Câu Lãnh, về sau nói trại thành Cao Lãnh.



Miếu Ông bà Chủ chợ Cao Lãnh trước khi trùng tu  
(Ảnh do Đền thờ cung cấp).

Trong trận đại dịch năm Canh Thìn (1820), ông bà thấy dân làng chết quá nhiều nên lập bàn hương án, cầu khẩn trời đất xin được chết thay. Sau đó, ông bà thọ bệnh rồi qua đời, dịch bệnh cũng từ đó dứt hẳn. Người dân Cao Lãnh tin rằng tấm lòng ông bà làm động lòng trời nên xây dựng miếu thờ làm nơi hương khói cho ông bà.

Năm 1920, Hương cả làng Mỹ Trà là Huỳnh Kim Sanh nhờ ông Đốc phủ sứ Lê Văn Giáp, Chủ quận Cao Lãnh đương thời, xin triều đình Huế phong thần cho ông bà. Ngày 19 tháng 4 năm Bảo Đại thứ 10 (21/5/1935) chính thức ban cấp sắc phong cho ông bà *Đỗ Công Tường* thần hiệu *Dực bảo, Trung hưng, Linh phò chi thần*.

## 21. Gia đình ông Nguyễn Văn Lân

Gia tộc họ Nguyễn ở làng Hòa An còn lưu giữ được gia phả, trong đó, phần ghi chép về ông Nguyễn Văn Lân - người đến định cư ở đây từ cuối thế kỷ XVIII như sau:

Ông Nguyễn Văn Lân sanh năm 1740 nhằm đời chúa Võ vương Nguyễn Phước Khoát.

Ông là chi diệp của Định vương Nguyễn Phước Thuần. Bị quân Tây Sơn truy đuổi, ông cùng Định vương chạy đến Long Xuyên. Tại đây, Định vương bị quân Tây Sơn bắt, còn ông chạy thoát rồi ẩn cư ở Cù lao Trâu.

Ông Nguyễn Văn Lân kết duyên cùng bà Nguyễn Thị Đậu. Thấy vùng này địa cuộc phì nhiêu, ông bà ở lại khai khẩn phần ruộng nơi Xép Cùm rạch Cái Sơn (bây giờ thuộc làng Hòa An, tổng An Tịnh). Ông mất ngày mùng 5 tháng 11 năm 1790. Ngôi mộ của cụ Nguyễn Văn Lân và cụ bà Nguyễn Thị Đậu ngày trước ở gần rạch Xép Lá (phía trước trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp), nay đã được con cháu cải táng về một khu đất gần đó.

Định vương Nguyễn Phước Thuần bị quân Tây Sơn hành quyết vào ngày 18/10/1777, có thể đoán định ông Nguyễn Văn Lân đến định cư ở Hoà An vào khoảng 1777 - 1780.



Mộ ông Nguyễn Văn Lân đã cải táng (Ảnh: Thanh Thuận).

## 22. Gia đình Mai Tài hậu Nguyễn Văn Mai

Mai Tài hậu Nguyễn Văn Mai sanh trưởng tại thôn Mỹ Trà, tổng Kiến Đăng, huyện Kiến An, phủ Gia Định (nay là thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Có thể nói gia đình ông



Đền thờ Mai Tài hâu Nguyễn Văn Mai ở xã Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp (Ảnh: Thanh Thuận).

là một trong số những người Việt tiên phong đến vùng đất này bởi căn cứ theo năm sinh của ông là năm Quý Tỵ (1773) dưới triều chúa Nguyễn Phước Thuần thì phụ mẫu ông phải đến đây trước đó.

Ông Nguyễn Văn Mai sớm theo phò tá chúa Nguyễn Phước Ánh lập nhiều công trạng. Ông từng trấn nhậm nhiều nơi, có khi ra Bắc Thành (Hà Nội ngày nay), lên Sơn Tây,... Năm Minh Mạng thứ 12 (1831), ông được thăng bổ làm Quận cơ, tức Mai Tài hâu, rồi từ Tượng quân chuyển sang Quận cơ Thủy cơ (chỉ huy thủy quân) tỉnh An Giang.

Năm 1832, Lê Văn Khôi - con nuôi của Tổng trấn Gia Định thành Tả quân Lê Văn Duyệt, nổi loạn đánh chiếm cả Nam Kỳ.

Năm 1833, Lê Văn Khôi cầu viện Xiêm La, vua Xiêm muốn nhân cơ hội này để xâm chiếm Nam Kỳ nên lập tức cho 5 vạn quân thủy bộ tiến đánh. Quân Xiêm chiếm tỉnh Hà Tiên, thành Châu Đốc, một cánh quân xuôi sông Tiền tiến về thành Gia Định. Vua Minh Mạng liền phong cho Lương Tài hâu Trần Văn Năng làm Bình Khẩu tướng quân hiệp cùng tướng Trương Minh Giảng, Nguyễn Xuân, Phạm Hữu Tâm... thống lãnh đại binh chống giặc. Một trận quyết chiến diễn ra trên sông Vàm Nao, quân Xiêm đại bại, âm mưu đánh chiếm Gia Định bất thành.

Tháng 8 năm 1833, Mai Tài hâu Nguyễn Văn Mai cùng viên tử Nguyễn Trường Cửu

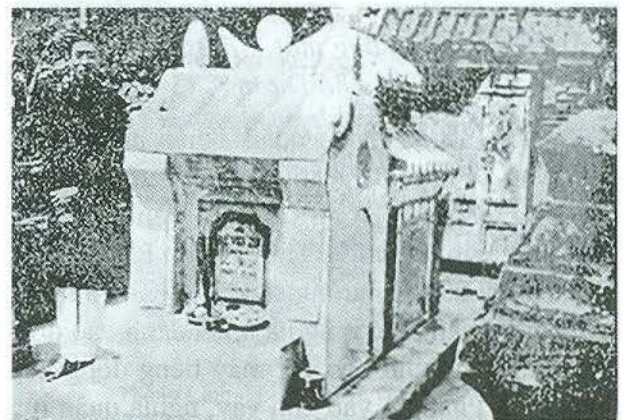
(con trưởng Thống chế Biên binh Gia Định thành Nguyễn Văn Tuyên) chỉ huy quân binh chiếm lại được tỉnh lỵ Hà Tiên và thành Châu Đốc, lúc ấy còn 1 vạn quân Xiêm cố thủ trong thành. Mai Tài hâu tiếp tục theo quân dẹp giặc dưới trướng Bình Khẩu tướng quân Trần Văn Năng và Tham tán Trương Minh Giảng, khi chiếm thành Nam Vang từ tay quân Xiêm thì Mai Tài hâu tử nạn.

### 23. Gia đình đại diện chủ Đỗ Thị Đệ

Bà Đỗ Thị Đệ (thường gọi bà Hai Đệ) sanh năm 1802. Gia đình bà đến định cư tại thôn Mỹ Trà khá sớm, nổi tiếng là một gia đình cự phú giàu hơn đức. Chồng bà là ông Lê Văn Tấn, hương chức thôn Mỹ Trà. Năm 40 tuổi, bà góa chồng, thủ tiết nuôi năm con. Vốn có lòng nhân đức, bà thường làm việc từ thiện, sửa cầu, đắp đường, trùng tu chùa miếu, xóa nợ cho dân nghèo.

Năm Tự Đức thứ 12 (1859), khi quân Pháp xâm chiếm nước ta, quan quân nhà Nguyễn ở Nam Kỳ ra sức chống giữ, quân triều đình qua thôn Mỹ Trà đều được bà giúp cho rất nhiều lương thực. Vua Tự Đức ân tứ cho bà tấm bằng vàng *Hảo nghĩa khả phong* (phong tặng người làm việc nghĩa).

Bà từ trần năm 1886, thọ 84 tuổi. Linh cửu của bà quản đúng một năm. Trong năm đó, con cháu tổ chức “trong chay ngoài bội” (các sư cúng tế trong nhà, ngoài sân thì các gánh hát bội thay nhau diễn cho dân xem). Người nghèo đến đều được bố thí cơm nước, quần áo. Đệ chuyển linh cửu qua chôn ở Xếp Lá, con cháu bắc một cây cầu gỗ qua sông Cao Lãnh.



Ngôi mộ bà Đỗ Thị Đệ (Ảnh: Lê Hương).

Ngôi mộ bà được thợ người Hoa xây theo kiểu mộ các quan Đàng Cựu, trước có 2 cây cổ thụ, hai miếu Thổ thần, bên trong xây hai vòng thành bằng đá ong. Mộ xây năm mặt trên mặt đất, mặt trước chừa chỗ để xe đẩy linh cữu vào rồi trám bít lại, xung quanh chạm trổ chim thú, hoa trái, bát tiên quá hải, nhị thập tứ hiếu... Đến nay mộ vẫn còn (phía sau trường Nguyễn Chí Thanh, phường Hoà Thuận, thành phố Cao Lãnh).

#### 24. Những cuộc võ trang chống Pháp trên đất Cao Lãnh - Cuộc chiến đấu của Thiên hộ Võ Duy Dương

Ngay sau khi quân Pháp chiếm Định Tường năm 1861, hàng loạt sĩ phu, hương đồng đất Cao Lãnh đã nổi lên chống giặc. Thiên hộ Võ Duy Dương, Đốc binh Nguyễn Tấn Kiều cùng với thuộc tướng Lê Kim (Trần Trọng Khiêm), Thống lĩnh binh Nguyễn Văn Linh, Lãnh binh Trương Tấn Minh, Phòng vệ Nguyễn Văn Biểu,... lập căn cứ chống Pháp ở Đồng Tháp Mười, nghĩa sĩ từ các nơi theo về dưới trướng, có cả lính lê dương người Tagal. Từ đây, Đồng Tháp Mười trở thành trung tâm kháng chiến, thu hút hầu hết các lực lượng nghĩa quân ở Nam Kỳ trong thời kỳ 1864 - 1866. Một báo cáo của Pháp cho thấy Thiên hộ Dương được triều đình Huế ngầm ủng hộ và gây cho Pháp nhiều tổn thất: “Ông (tức Thiên hộ Dương) còn nhận được bức thánh chỉ đề tháng 6, truyền lệnh cho ông phải mời quan Tổng đốc Gia Định Bùi Quang Diệu và Tham tán Bùi Tân. Các quan chức này đã đến Tháp Mười chỉ mang theo 80 người vào tháng 11, họ quay trở lại Gia Định để nhận vài chỉ thị mới” và “Tháng Chạp qua, đồng đảng của Thiên hộ Dương, tên Quân Là đã đánh giết 4 người Tây, bắt sống một... đã giải đến Tháp Mười nộp cho Thiên hộ Dương”.

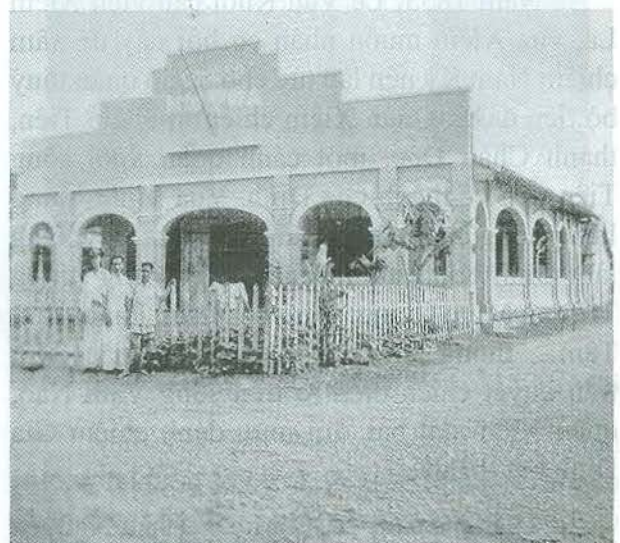
Năm 1865, nghĩa quân Thiên hộ Dương đánh vào Dơi Me, Mỹ Trà, lên tận Cai Lậy, Cái Bè, Thủ Thừa,... Trong đó, trận đánh úp đồn Mỹ Trà và nhà việc Mỹ Trà gây cho Pháp nhiều thiệt hại và có ảnh hưởng sâu rộng. Chiều ngày 22 tháng 7 năm 1865, nghĩa quân đánh vào đồn Mỹ Trà, trận đánh kéo dài mấy tiếng đồng hồ, thủy quân Pháp đổ vào giải vây, nghĩa quân rút ra ngoài đồn và dựa vào những bờ mương tiếp

tục chiến đấu, quân Pháp bị thiệt hại nặng nề về người, nhiều súng ống, đạn dược bị tịch thu và một tàu liên lạc bị thiêu hủy. Chiều ngày 23 tháng 7 năm 1865, Phó đô đốc Rozé mang quân từ Sài Gòn xuống ứng cứu, đến nơi thì nghĩa quân đã rút lui. Để trả thù, Rozé hạ lệnh triệt hạ làng Mỹ Trà, Mỹ Ngãi và vùng phụ cận. Cả hai trận này gây tiếng vang rất lớn trong nhân dân Nam Kỳ.

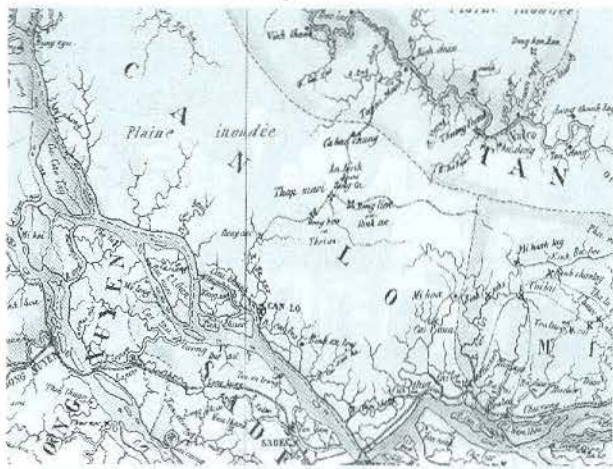
Tháng 4/1866, De Lagrandière tập trung quân của bốn dinh tham biện (Tân An, Mỹ Tho, Cai Lậy và Cần Lố) tấn công vào căn cứ Đồng Tháp Mười. Các đồn tiền tiêu của nghĩa quân lần lượt bị vỡ, quân Pháp tràn vào đồn Trung ở khu vực Gò Tháp - nơi Thiên hộ Dương đặt đại bản doanh. Trong tình thế nguy ngập, Nguyễn Tấn Kiều (Đốc binh Kiều) và Nguyễn Văn Cần (Lãnh binh Cần) dùng kế phục binh để Võ Duy Dương và một bộ phận nghĩa quân thoát khỏi vòng vây.

Võ Duy Dương bị cướp biển giết chết trên đường ra kinh đô Huế. Được tin báo, Viện Cơ mật tâu trình: “Võ Duy Dương lần lượt vì nước giữ nghĩa quên mình, tình cảnh thật đáng thương, xin được đề nghị cho viên ấy truy thọ *Quân cơ chánh tử phẩm*. Hai con còn nhỏ của viên ấy xin được ghi tên đội sau này trường thành sẽ do quan địa phương sở tại tâu xin được tập ấm”.

Vua Tự Đức ban dụ: “Về khoản thưởng cho nhóm của Võ Duy Dương vì đã uy hiếp làm cho bọn Tây kinh hãi có tiếng tăm khó che lấp



Nhà việc làng Mỹ Trà (Ảnh: Lê Hương).



Căn cứ Thiên hộ Dương trên bản đồ của Pháp (Ảnh tư liệu).

thì việc xét thưởng cho các viên ấy cũng phải tương xứng để làm khuôn phép vậy, cũng không ngại chẳng rõ còn sống hay đã mất, chủ yếu thể hiện lòng thương xót” rồi châu phê: “Nay nhân tế tặng quan viên, truyền chọn ngày sắm đủ lễ phẩm, dùng lễ nghi trọng hậu”.

### 25. Những cuộc võ trang chống Pháp trên đất Cao Lãnh - Cuộc chiến đấu của Chánh lãnh binh Nguyễn Hương

Chánh lãnh binh Nguyễn Hương người thôn Tân Tích (nay thuộc phường 6, thành phố Cao Lãnh) trấn nhậm đất Hà Tiên dưới thời vua Tự Đức.

Khi quân Pháp chiếm 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ, ông đem quân về Láng Linh - một vùng sinh lầy ở An Giang, cùng với Quản cơ Trần Văn Thành (một đại đệ tử của Phật Thầy Tây An Đoàn Minh Huyền) lập căn cứ kháng chiến. Tháng 3 năm 1873, quân Pháp tập trung lực lượng tấn công, căn cứ bị vỡ, Quản cơ Thành tử trận, ông rút quân bản bộ của mình về quê nhà. Tại đây, ông cùng với các thuộc tướng Kim Chung, Quản Bạch, Đội Ba lấy vùng Hồ Cứ làm căn cứ chống Pháp. Nhiều lần nghĩa quân tấn công đồn Cần Lố, Đốc Vàng, quấy rối quân Pháp ở Cao Lãnh... Quân Pháp dùng thủy binh triệt hạ căn cứ, Quản Bạch bị bắt rồi bị hành hình tại trường án Cần Lố (Đoi Me, xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh ngày nay), ông giải tán nghĩa quân rồi lui về sống ẩn dật trong cảnh túng thiếu cho đến lúc qua đời vào năm Bính Tý (1876).

### 26. Những cuộc võ trang chống Pháp trên đất Cao Lãnh - Cuộc chiến đấu của Thống Linh, Thống Bình, Thống Chiêu

Nguyễn Văn Linh người thôn Mỹ Ngãi, huyện Kiến Phong, tỉnh Định Tường (nay là xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh). Khi quân Pháp chiếm hết ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ (1862), ông đã chiêu mộ dân đồng nổi lên chống Pháp ở Cao Lãnh.

Giữa năm 1863, Thiên hộ Võ Duy Dương đưa nghĩa quân từ Ba Giồng (Cai Lậy) vào Đồng Tháp Mười xây dựng đồn lũy, chiêu mộ nghĩa sĩ, ông liền đem lực lượng của mình đặt dưới quyền chỉ huy của Thiên hộ.

Vùng hoạt động của nghĩa quân Đồng Tháp Mười ngày một mở rộng, nghĩa quân tiến công quân Pháp nhiều nơi. Nguyễn Văn Linh được giao thống lĩnh một đạo nghĩa quân hoạt động ở vùng Cao Lãnh, nên người dân thường gọi ông là Thống Linh. Hoạt động của ông làm cho quân Pháp trong vùng mất ăn mất ngủ.

Thống Linh bị quân Pháp vây bắt cùng với hai người bạn chiến đấu là Thống Bình và Thống Chiêu tại thôn Phong Mỹ. Quân Pháp hành quyết ba ông tại chợ ông Chánh (tức chợ Mỹ Ngãi, phường 1, thành phố Cao Lãnh ngày nay). Vào ngày 28/8/1865, lúc ra pháp trường, ông vẫn bình tĩnh ngâm hai câu thơ:

*“Rất tiếc thù chung chưa trả đặng  
Sụt sùi chín suối dễ nào nguôi”.*



Đền thờ Tam vị Đại thần:  
Thống Linh, Thống Chiêu và Thống Bình  
ở xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp  
(Nguồn: Cổng thông tin điện tử xã Mỹ Tân).



Đề tường nhớ công lao và khí phách của những anh hùng vì nước hy sinh, dân làng lập miếu thờ ba ông, nhưng đề che mắt giặc, ngôi miếu được ngụy tạo thành chùa thờ Quan đế Thánh quân, nhân dân quen gọi là chùa Ba Ông. Năm 1970, đền thờ ba ông được gia đình Thống lãnh binh Nguyễn Văn Linh dời về xã Mỹ Tân (thành phố Cao Lãnh) gọi là Đền thờ Tam vị Đại thần.

## 27. Phong trào Đông Du ở Cao Lãnh

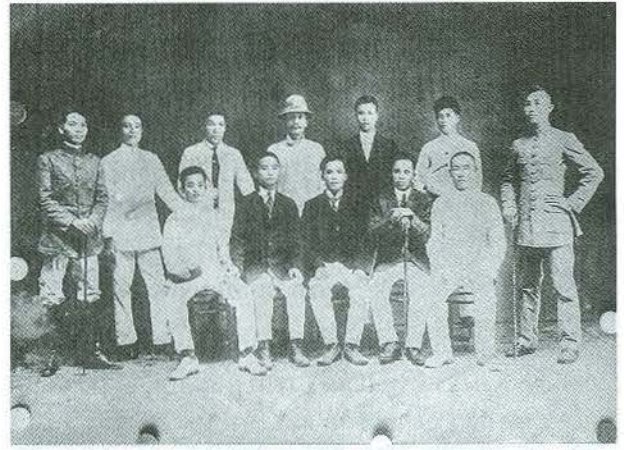
Trong những năm đầu thế kỷ XX, phong trào Đông Du - sang Nhật du học để về cứu nước, được phát động rầm rộ, cả nước có hơn 200 thanh niên tham gia, riêng Đồng Tháp có 13 người trong hơn 100 người ở Nam Kỳ xuất dương cầu học. Những làng có người tham gia là Hòa An, Mỹ Trà, Mỹ Xương, Tân Thuận,... Riêng làng Hòa An có Nguyễn Văn Khỏe, Nguyễn Văn Hảo, Đỗ Văn Y, Lê Văn Đàng, Lê Văn Sao...

Để có nguồn tài chánh hỗ trợ cho phong trào, những nhà hoạt động Đông Du tổ chức nhiều cuộc quyên góp trong nhân dân. Ở Cao Lãnh, bà Nguyễn Thị Phước ủng hộ 2.000 đồng (lúc đó lúa chỉ có 0,25 đồng/giạ), điền chủ Lê Quang Hiến cũng là nhà tài trợ lớn cho phong trào. Còn ông Trần Bá Lê (Cả nhì Ngưu, người làng Hoà An) làm kinh tài cho phong trào bằng việc bỏ tiền đóng ghe tàu đi buôn bán ở Thái Lan, Hồng Kông, về sau, ông bị Pháp bắt, tịch thu toàn bộ phương tiện, ông phải bán phần lớn gia sản để lo lót khỏi cảnh tù đày.

Năm 1907, chính phủ Nhật trục xuất du học sinh Việt Nam, phần lớn bị Pháp bắt giam



Phan Chu Trinh (ngồi giữa) và Lê Văn Sao (bìa trái đứng), năm 1922 (Nguồn: Nhà lưu niệm Phan Chu Trinh, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh).



Một số lưu học sinh phong trào Đông-Du (Ảnh tư liệu).

khi trở về nước, một số trốn sang Trung Quốc tiếp tục học tập, trong đó có ông Lê Văn Sao người làng Hoà An. Về sau, Lê Văn Sao sang Pháp rồi gia nhập Hội những người Việt Nam yêu nước của Nguyễn Ái Quốc. Từ đó, Lê Văn Sao đóng vai trò khá quan trọng trong Hội và là trợ thủ đắc lực của Nguyễn Ái Quốc trong thời gian hoạt động ở Pháp (1917 - 1923).

## 28. Việt Nam Quang phục Hội ở Cao Lãnh

Việt Nam Quang phục Hội do Phan Bội Châu thành lập năm 1912 với mục đích đánh đuổi người Pháp khỏi Đông Dương.

Việt Nam Quang phục Hội cử Kỳ Ngoại hầu Cường Để trở lại Nam Kỳ, bí mật gặp gỡ các nhà yêu nước, trong đó có Nguyễn Quang Diêu người làng Tân Thuận (nay là xã Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh), một nhà hoạt động Đông Du nổi tiếng ở Nam Kỳ. Cường Để cùng các nhà yêu nước Lê Văn Đàng, Lê Văn Mỹ, Nguyễn Hữu Kiến, Đỗ Văn Y, Lưu Quang Bật (Cao Lãnh)... họp ở chùa Linh Sơn (phường 3, thành phố Cao Lãnh ngày nay) để phổ biến chủ trương, đường lối của Hội. Tổ chức này nhanh chóng có cơ sở ở Nam Kỳ, nhất là khu vực Cao Lãnh - Sa Đéc.

Tháng 5 năm 1913, Nguyễn Quang Diêu và Đinh Hữu Thuật cầm đầu một phái đoàn Việt Nam Quang phục Hội Nam Kỳ đi Hồng Kông mua vũ khí, bị cảnh sát Anh bắt rồi giao lại cho Pháp. Nguyễn Quang Diêu, Đinh Hữu Thuật và nhiều người khác bị xử 10 năm khổ sai biệt xứ, đày đi Cayenne (Nam Mỹ).



Quân dụng phiếu in Quân kỳ và Hội kỳ (Ảnh: Nam Khanh).

Đầu năm 1917, Nguyễn Quang Diêu và Đinh Hữu Thuật vượt ngục sang Trinidad. Năm 1920, hai ông rời Trinidad, Nguyễn Quang Diêu sang Washington (Mỹ), về Hồng Kông bắt liên lạc với các nhà cách mạng Việt Nam rồi về nước hoạt động bí mật vào năm 1926 cho đến khi qua đời (1936), còn Đinh Hữu Thuật về nước hoạt động một thời gian rồi ẩn cư trên núi Cẩm (Châu Đốc).

### 29. Phong trào Duy Tân ở Cao Lãnh với Phan Văn Cừ

Song song với hoạt động của các phong trào Đông du, Việt Nam Quang phục Hội, phong trào Duy Tân hô hào quần chúng mở trường học, lập hội buôn (công ty), mở mang kỹ nghệ, tích lũy lực lượng để chống Pháp.

Các nhà yêu nước Cao Lãnh cùng bỏ tiền ra lập Nam Đồng Hương lữ quán ở đường Amiral Courbet (nay là đường Nguyễn An Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh) làm kinh tài cho phong trào và cũng là nơi hội họp của các nhà ái quốc. Ông Phan Văn Cừ, người làng Mỹ Trà (Cao Lãnh), được giao quản lý lữ quán. Ông còn bỏ tiền ra mua đất trồng cao su ở Hóc Môn để góp vào quỹ của phong trào, chẳng may ông mất sớm khi mới 37 tuổi.



Chân dung ông Phan Văn Cừ (Ảnh tư liệu).

### 30. Từ Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội đến Chi bộ An Nam Cộng sản Đảng ở Cao Lãnh

Từ giữa năm 1925 đến cuối năm 1926 là đỉnh cao của phong trào yêu nước của nhân dân Cao Lãnh với các hoạt động hưởng ứng phong trào đòi ân xá Phan Bội Châu, đòi thả Nguyễn An Ninh và làm lễ truy điệu Phan Chu Trinh tại chợ Cao Lãnh (cũ) dưới sự dẫn dắt của Phạm Hữu Lầu, Trần Văn Mãng, Lưu Kim Phong, Nguyễn Như Ý,...

Năm 1927, Lưu Kim Phong (người làng Mỹ Trà) cùng 3 thanh niên dự khóa huấn luyện do Nguyễn Ái Quốc tổ chức ở Quảng Châu. Về Cao Lãnh, ông thành lập Tổ Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội ở Hòa An vào năm 1928, đến cuối năm, tổ có 7 hội viên, đến tháng 6/1929, số hội viên lên đến trên 40 và hàng trăm người có cảm tình với hội.

Năm 1929, An Nam Cộng sản Đảng chính thức thành lập, ông Phạm Hữu Lầu, Tổ trưởng Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội Hòa An, được kết nạp vào An Nam Cộng sản Đảng rồi được đề cử vào Ban chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam vào tháng 2/1930. Khoảng tháng 11/1929, Tổ Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội Hòa An được công nhận là Chi bộ An Nam Cộng sản Đảng với 6 đảng viên (Ba Mãng, Giáo Sa, Giáo Cảnh, Tư Ý, Giải, Tám Thiện), lễ công nhận được tổ chức tại Vườn Mù U (làng Hòa An). Kể từ đây, nhân dân Cao Lãnh cùng với nhân dân cả nước bước vào công cuộc kháng chiến trường kỳ chống giặc ngoại xâm, thống nhất đất nước dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam □



Bia Chi bộ đầu tiên ở xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp (Ảnh: Thanh Thuận).